ỦY BAN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 543/BC-UBND	*Bình Long, ngày 04 tháng 12 năm 2024*

BÁO CÁO
Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thị xã.

Thông báo số 153/TB-HĐND ngày 28/10/2024 của HĐND thị xã. UBND thị xã báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP):

Thực hiện sự chỉ đạo của UBND tỉnh rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến các quyđịnh của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, triển khai việc tổng rà soát các định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách; đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, đất đai… và các văn bản qui phạm pháp luật khác do Uỷ ban Nhân dân tỉnh ban hành; địa phương đã chủ động rà soát các văn bản thuộc phạm vi quản lý để kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành.

UBND thị xã chỉ đạo các phòng, ban, UBND các xã, phường trong các cuộc họp cơ quan định kỳ hàng tháng, thủ trưởng đơn vị triển khai và quán triệt thực hiện nghiêm túc Luật, các văn bản có liên quan đến tiết kiệm chống lãng phí và Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định số 84/2014/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, để toàn thể cán bộ công chức trong đơn vị biết và thực hiện nhằm tiết kiệm ngân sách Nhà nước và sử dụng ngân sách được giao một cách có hiệu quả.

Công khai những quy định về sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao, đồng thời thực hiện các định mức tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu làm cơ sở tiến hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết kiệm trong chi tiêu hành chính đảm bảo chi đúng định mức, đúng mục đích.

Tiếp tục triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan. Tiếp tục rà soát lại quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan để sửa đổi, bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với quy định của Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, cũng như các văn bản có liên quan.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP:

UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 Về việc Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2022-2025.

UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 Về việc Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024.

Triển khai thực hiện NQ số 98/NQ-Cp ngày 26/6/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hánh tiết kiệm, chống lãng phí.

Tiết kiệm chi ngân sách, công khai minh bạch trong việc sử dụng ngân sách nhà nước và các khoản chi khác.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ và các quy định về công khai tài chính trong cơ quan, đảm bảo công khai minh bạch các hoạt động tài chính tại đơn vị.

Một số tiêu chí cụ thể về thực hành tiết kiệm chống lãng phí tại đơn vị: Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, chi tiếp khách và mua sắm, sử dụng trang thiết bị tại đơn vị.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP:

Các ban, ngành, đoàn thể và UBND các xã, phường căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra về quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

Triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy công tác giám sát của Ban Thanh tra nhân dân, tạo nhiều kênh thông tin để toàn thể CBCC, VC tham gia giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, đơn vị.

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

1. Kết quả THTK, CLP, cụ thể trong các lĩnh vực:

a) THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Việc chi tiêu của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thị xã và UBND các xã, phường áp dụng theo các tiêu chuẩn, định mức được xây dựng cụ thể chi tiết trong "Quy chế chi tiêu nội bộ" được thông qua, nhất trí trong Hội nghị CBCC hàng năm và được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với chế độ chính sách mới ban hành cũng như tình hình thực tế bộ máy tổ chức hoạt động của các đơn vị và định mức ngân sách được giao

b) THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN):

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên năm 2024 với số tiền: 2.624.342.000 đồng để bổ sung nguồn chi cải cách tiền lương.

- Tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên năm 2024 theo NQ 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ với tổng số tiền 2.501.297.000 đồng.

- Thực hiện chi bám sát dự toán giao. Đảm bảo các nguồn kinh phí được thực hiện đúng nội dung, đúng đối tượng.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đến tất cả các đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước do Bộ tài chính - Bộ nội vụ ban hành; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Việc sử dụng điện chiếu sáng công cộng cũng được bố trí hợp lý, lắp đặt và điều chỉnh giờ thắp sáng theo từng mùa, đảm bảo phù hợp và tiết kiệm.

- Việc hội họp đã tiết kiệm tối đa nhờ hình thức trực tuyến, tổ chức các ngày lễ kỷ niệm, hội nghị sơ kết, tổng kết đã được lồng ghép nhằm giảm số lượng đại biểu, tiết kiệm thời gian.

c) THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

Kiểm soát chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại. Tận dụng, khai thác có hiệu quả tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại hiện có, chỉ đầu tư xây dựng, mua sắm mới khi thực sự cần thiết và bảo đảm đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ.

d) THTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

Quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Luật đầu tư công, việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư cũng như việc bố trí kế hoạch vốn phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2020-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2020 - 2025 và đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 27/CT-TTG ngày 10/10/2012 về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng XDCB tại địa phương và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng XDCB từ nguồn vốn NSNN, TPCP.

Thực hiện nghiêm theo Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

Việc thực hiện các thủ tục đầu tư tiến hành tương đối thuận lợi, hầu hết các hạng mục công trình tổ chức triển khai thi công đúng theo tiến độ, xử lý vướng mắc, phát sinh kịp thời, chất lượng xây dựng đảm bảo theo quy định.

Các cơ quan chuyên môn thị xã, UBND các xã, phường tiến hành rà soát các

danh mục dự án đầu tư, thực hiện cắt giảm đối với các dự án hiệu quả thấp, điều chuyển nguồn vốn cho các dự án hoàn thành hoặc có điều kiện hoàn thành sớm và phát huy được hiệu quả; yêu cầu các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân hànhnghề xây dựng tuân thủ nguyên tắc thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong việc thiết kế, kết cấu, thi công xây dựng công trình đảm bảo đúng quy định. Vì vậy đã hạn chế được nhiều công trình, dự án xây dựng dở dang, tránh lãng phí ngân sách nhà nước.

Thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất để cho thuê đất, giao đất, bán đấu giá theo giá thị trường làm tăng nguồn thu ngân sách thị xã.

Về quản lý, sử dụng trụ sở làm việc: Công tác quản lý, sử dụng, xây dựng trụ sở mới được thực hiện đúng tiêu chuẩn theo quy định. Đối với các trụ sở đã xuống cấp hoặc thừa diện tích sử dụng so với định mức quy định, UBND thị xã đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan tổ chức rà soát, sắp xếp lại theo quy định tại quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. Thực hiện việc sắp xếp xử lý nhà, đất, tài sản ở các cơ quan, đơn vị sau sáp nhập và phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định, không để lãng phí, sai phạm, lấn chiếm, chuyển đổi, sử dụng sai mục đích hoặc để hoang hóa.

đ) THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:

Rà soát kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Khuyến khích nhân dân tham gia trồng rừng, bảo vệ và khai thác rừng một cách hợp lý, hiệu quả. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý và bảo vệ rừng.

e) THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

Nhìn chung các đơn vị luôn luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động. Toàn thể cán bộ công chức trong đơn vị thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế, quy định về thời gian làm việc, không xảy ra tình trạng đi trễ về sớm và làm việc riêng trong giờ làm việc.

Công tác giải quyết các thủ tục hành chính, thời gian giải quyết đối với từng loại công việc thường xuyên được kiểm tra để tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân, trực tiếp triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế "Một cửa" và "Một cửa liên thông" nhằm giải quyết nhanh gọn, đúng pháp luật không gây phiền hà nhũng nhiễu.

Trách nhiệm, tính gương mẫu thực hiện các quy định sử dụng thời gian làm việc được đề cao, khuyến khích, khen thưởng xứng đáng, kịp thời cho những cán bộ, công chức nghiêm túc chấp hành kỷ luật lao động, làm việc có năng suất, chất lượng, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, không xét khen thưởng đối với những CBCC vi phạm giờ làm việc.

g) THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân:

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", quản lý tốt các lễ hội, hoạt động văn hóa, thể thao, bảo đảm tiết kiệm, an ninh trật tự, đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".

- Tăng cường kiểm tra giá cả, nhất là đối với những mặt hàng thiết yếu; ngăn chặn đầu cơ, tăng giá bất hợp lý.

- Kiểm soát chặt chẽ các mặt hàng chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của nhân dân.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

Trong năm 2024, chưa phát hiện các hành vi lãng phí.

III. Đánh giá chung:

1. Đánh giá kết quả đạt được:

Được sự quan tâm và chỉ đạo của cấp trên, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tại đơn vị trong thời gian vừa qua đã được cụ thể hóa bằng những hành động cụ thể, cán bộ công chức trong đơn vị ngày càng có ý thức và trách nhiệm hơn trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

-Các đơn vị ngày càng có ý thức và trách nhiệm hơn trong các hoạt động của mình để từng bước kiểm soát được việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Công tác cải cách hành chính được triển khai thực hiện có nhiều chuyển biến tích cực; đã triển khai thực hiện rà soát văn bản pháp quy, thực hiện cải cách các thủ tục hành chính nhằm cắt giảm thủ tục không gây lãng phí về thời gian và tiền bạc; thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, từng bước nâng cao uy tín của chính quyền trong công tác quản lý nhà nước.

- Thực hiện tốt các quy định về công khai tài chính đối với các cấp ngân sách, từ khâu phân bổ dự toán đến khâu quyết toán hàng năm, kế hoạch xây dựng cơ bản, công khai quy trình thu và sử dụng các loại Quỹ, các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân…để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Do được tuyên truyền và phổ biến rộng rãi, toàn thể cán bộ công chức trong các đơn vị đã có ý thức tiết kiệm trong mọi hoạt động tại cơ quan, sử dụng tiết kiệm và không gây lãng phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, sử dụng đúng mục đích những tài sản của cơ quan góp phần tiết kiệm ngân sách.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Tại một số đơn vị có triển khai thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhưng chưa thật sự hiệu quả, ý thức tiết kiệm của một số ít cán bộ công chức, viên chức chưa cao.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hanh tiết kiệm chống lãng phí cần tập trung triển khai thực hiện trong năm 2025.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị. Đồng thời rà soát, ban hành bổ sung các chương trình, kế hoạch cụ

thể, xây dựng các định mức tiết kiệm cụ thể để tạo thành chỉ tiêu phấn đấu, thực hiện.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, trong các cơ quan, đơn vị. Đồng thời kết hợp với thực hiện "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đặc biệt là đạo đức của Người về thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ.

Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tăng cường kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công, xử lý nghiêm công chức, viên chức gây lãng phí trong việc quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng tinh thần Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 của UBND thị xã Bình Long./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, PCT. UBND thị xã;
- các Ban HĐND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Phòng Tài chính – KH thị xã;
- LĐVP, CV(KT);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Thị Hồng Vân

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

(Kèm theo Báo cáo số 543/BC-UBND ngày 04/12/2024 của UBND thị xã Bình Long)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	**Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ**							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản		0	0		0%	
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	văn bản		0	0		0%	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	cuộc		0	0		0%	
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ		0	0		0%	
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng		0	0		0%	

II	**Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)**							
1	**Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN**	-	-					
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng		0	0		0%	
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	2.515	5.126	5.126	204%	100%	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng		0	0		0%	
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng		0	0		0%	
2	**Sử dụng và thanh quyết toán NSNN**	-	-	0	0		0%	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính	triệu đồng		0	0		0%	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng		0	0		0%	
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	0	0	0		0%	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng		0	0		0%	
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng		0	0		0%	
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng		0	0		0%	
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng		0	0		0%	

3	**Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ**							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị		0	0		0%	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị		0	0		0%	
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng		0	0		0%	
4	**Các nội dung khác**			0	0		0%	
III	**Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước**							
1	**Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)**							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	16	16	16		0%	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc		0	0		0%	
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	6	0	0		75%	
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc		0	0		0%	
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng		0	0		0%	
2	**Tài sản khác**							

2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản		0	0		100%	
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản		0	0		0%	
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng		0	0		0%	
3	**Các nội dung khác**							
IV	**Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng**							
1	**Trong đầu tư xây dựng**							
1.1	**Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm**	dự án						
1.2	**Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:**	**triệu đồng**						
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	*triệu đồng*		0	0		0%	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	*triệu đồng*		0	0		0%	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	*triệu đồng*		0	0		0%	
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	*triệu đồng*	*2*	0	35		100%	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng		0	0		0%	
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án		0	0		0%	

1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ			0	0		0%	
	Số lượng	dự án		0	0		0%	
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng		0	0		0%	
2	**Trụ sở làm việc**							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	32.247	32.247	32.247		#DIV/0!	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2		0	0		0%	
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2		0	0		0%	
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2		0	0		0%	
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2		0	0		0%	
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng		0	0		0%	
3	**Nhà công vụ**							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2		0	0		100%	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2		0	0		0%	

3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2		0	0		0%	
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2		0	0		0%	
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2		0	0		0%	
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng		0	0		0%	
4	**Các nội dung khác**							
V	**Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên**							
1	**Quản lý, sử dụng đất**							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2		0	0		0%	
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2		0	0		0%	
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		0	0		0%	
1.4	Các nội dung khác			0	0		0%	
2	**Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác**							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ		0	0			

2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		0	0			
3	**Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được**							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án		0	0		0%	
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng		0	0		0%	
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt			0	0		0%	
4	**Các nội dung khác**							
4,1	Số lượng vụ việc vi phạm trong lĩnh vực môi trường	vụ		0	0		0%	
4,2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		0	0		0%	
VI	**Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước**							
1	**Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động**	vụ		0	0		0%	
2	**Số tiền xử lý vi phạm thu được**	triệu đồng		0	0		0%	
3	**Các nội dung khác**			0	0		0%	
IX	**Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP**							

1	**Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện**	cuộc		0	0	1	0%	
2	**Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành**	cuộc		0	0	1	0%	
3	**Số cơ quan, tổ chức, đơn vị , cá nhân được thanh tra, kiểm ra về THTK, CLP**	cơ quan/tổ chức/đơn vị		0	0	2	0%	
4	**Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện**	cơ quan/tổ chức/đơn vị		0	0		0%	
5	**Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát (không tổng hợp số liệu của Ngành thuế)**	triệu đồng		0	0		0%	
6	**Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi**	triệu đồng		0	0		0%	